

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07/3/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 649/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị D**, sinh năm 03/10/2000; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 08/4/1990; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Đà Loan.

Các đương sự vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Đào Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, C vào ngày 29/7/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị D sinh con thì chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đây mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu gia đình. Vợ chồng thường hay tranh cãi và không sống cùng nhau. Năm 2023 anh T đi Đà

Loan lao động, anh T dần cắt đứt liên lạc với chị D, không hỏi thăm, không gửi tiền về cho chị D chăm sóc con, không thông báo cho chị D công việc của gia đình bên chồng. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị D được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Q sinh ngày 18/9/2021, hiện đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị D không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng anh T vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Thân Thị D1, địa chỉ tại T, L, Chí L, đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh T qua bà D1.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh T1 là anh trai của anh T. Anh T và chị D kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh T1 không rõ chị D và anh T có mâu thuẫn gì không, chỉ biết giữa năm 2023 anh T đi Đài Loan lao động đến nay chưa về còn chị D trước đó đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T1 không rõ địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng anh T1 vẫn liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho anh T. Quan điểm của anh T về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nếu chị D kiên quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Q sinh ngày 18/9/2021, hiện đang ở với chị D. Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng thì anh T đồng ý.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết thì anh T không có ý kiến gì.

- Do anh T không thể sắp xếp thời gian về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn không chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Đào Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho con

chung đến khi thành niên; chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp), anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị D đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị D, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh T đang ở Đà Loan. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị D xác định vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu gia đình. Sau khi sinh con chị D về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, năm 2023 anh T đi Đà Loan đến nay chưa về, vợ chồng dần cắt đứt liên lạc. Xét thấy chị D và anh T ly thân đã lâu, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, chị D xin ly hôn thì anh T đồng ý. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ), cần chấp nhận cho chị D ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Nguyễn Minh Q sinh ngày 18/9/2021, hiện đang ở với chị D. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, xem xét đề nghị, điều kiện của hai bên, để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng thì anh T đồng ý nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh T yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị D là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Q sinh ngày 18/9/2021 cho chị Đào Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 03/2025 đến khi con chung thành niên.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Chị Đào Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 29/11/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005384; chị D đã nộp đủ.

3.2. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng